

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXI

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 3

Lại nữa, này thiện nam! Kẻ phàm phu nếu gặp thân tâm khổ não thì khởi lên đủ thứ ác. Nếu bị thân bệnh hay bị tâm bệnh thì khiến cho thân, miệng, ý tạo tác đủ thứ ác. Do tạo tác ác nên luân chuyển trong ba đường, chịu đủ các khổ. Vì sao? Vì người phàm phu không có niệm tuệ. Vậy nên họ sinh ra đủ thứ lậu, đó gọi là niệm lậu. Đại Bồ-tát thường tự suy nghĩ: “Ta từ thuở xa xưa, vô số kiếp đến nay, vì chính thân tâm này tạo ra đủ thứ ác, do nhân duyên này nên lưu chuyển sinh tử ở trong ba đường ác, chịu đủ mọi thứ khổ, khiến cho ta rời xa đường chánh tam thừa”. Bồ-tát do nhân duyên ác này nên đối với thân tâm của mình vô cùng kính sợ, lia bỏ mọi nẻo ác, hướng về đường thiện. Này thiện nam! Ví như có vị vua đem bốn con rắn độc đựng trong một cái hòm nhỏ, sai người nuôi dưỡng trông nom, ngủ dậy xoa rửa thân chúng. Nếu khiến cho một con rắn nổi giận thì vua sẽ theo đúng pháp hành hình tại chỗ. Bấy giờ, người ấy nghe lệnh bức bách của vua thì lòng sinh hoảng sợ, bỏ hòm rắn chạy trốn. Nhà vua lại sai năm người Chiên-đà-la vung đao đuổi theo. Người ấy quay nhìn lại thấy năm người đuổi theo sau thì bỏ chạy nhanh hơn. Lúc đó, năm người dùng phương tiện ác, giấu dao kín đáo, sai một người trá làm thân thiện mà nói với kẻ trốn đó rằng: “Ông nên trở về lại!” Người ấy chẳng tin, lao vào một xóm làng để trốn. Đã vào trong xóm rồi, người ấy nhìn thấy mọi nhà đều không có người, cầm các dụng cụ đựng đồ lên xem đều không có vật. Đã chẳng thấy người, vật chẳng tìm được, người ấy liền ngồi xuống đất

thì nghe trong hư không có tiếng nói: “Này thiện nam! Xóm này trống rỗng, không có dân cư, đêm nay sẽ có sáu tên giặc lớn đến, nếu gặp phải họ thì mạng người sẽ chẳng toàn. Người hãy tìm cách trốn đi”. Bấy giờ, nỗi kinh sợ của người ấy càng tăng thêm, liền bỏ đi. Trên đường đi, lại gặp một dòng sông, nước sông chảy mạnh, lại không có thuyền bè. Vì kinh sợ nên người ấy liền lấy đủ thứ cỏ cây kết bè và lại suy nghĩ: “Giả sử ta đứng ở đây thì sẽ bị rắn độc, năm Chiên-đà-la mà trong đó có một tên giả thân thiện và sáu tên giặc lớn làm nguy hại. Nếu qua sông này mà bè chẳng bảo đảm thì ta sẽ phải chết dưới nước. Ta thà chết đuối dưới nước, nhất định chẳng để rắn độc và giặc kia làm hại”. Người ấy liền đẩy bè cỏ xuống nước, thân dựa trên bè đó, vận động tay chân, rẽ nước mà đi. Đã đến bờ bên kia rồi, người ấy yên ổn, không còn hoạn nạn, lòng dạ thư thái, sợ hãi tiêu trừ.

Đại Bồ-tát được nghe, thọ trì kinh Đại Niết-bàn, quán thân như cái hòm nhỏ, đất nước lửa gió như bốn con rắn độc. Nhìn độc, chạm độc, hơi độc, cắn độc, tất cả chúng sinh gặp bốn thứ độc này nên mất mạng. Bốn đại của chúng sinh cũng như vậy, hoặc thấy là ác, hoặc chạm là ác, hoặc hơi là ác, hoặc cắn là ác. Do những nhân duyên này nên xa lìa mọi thiện. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát bốn con rắn độc có bốn dòng giống là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Rắn bốn đại này cũng như vậy, có bốn thứ tánh là tánh cứng, tánh ẩm ướt, tánh nóng, tánh động. Vậy nên Bồ-tát quán bốn đại cùng bốn độc xà đồng chung chủng tánh ấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán bốn đại này như bốn con rắn độc. Sao gọi là quán? Bốn con rắn độc này thường rình rập chỗ sơ hở của con người, khi nào phải nhìn, khi nào phải chạm, khi nào phải hà hơi, khi nào phải cắn. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, thường rình chúng sinh tìm chỗ sơ hở, thiếu sót của họ. Nếu bị bốn con rắn độc giết hại thì nhất định chẳng đến trong ba đường ác, còn nếu bị bốn đại giết hại thì ắt đến ba đường ác, chẳng có gì nghi ngờ. Bốn con rắn độc này tuy được trông nom nuôi dưỡng nhưng cũng muốn giết người. Bốn đại cũng vậy, tuy thường được cung cấp nhưng cũng thường dẫn dắt con người làm mọi việc ác. Bốn con rắn độc này, nếu một con giận dữ

lên thì có thể hại người. Tánh của bốn đại cũng như vậy, nếu một đại bộc phát cũng có thể hại người. Bốn con rắn độc này tuy ở đồng một chỗ nhưng tánh đều khác nhau. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, tuy đồng một chỗ nhưng tánh đều khác biệt. Bốn con rắn độc này tuy lại tuân phục nhưng cũng khó thân cận. Rắn độc bốn đại cũng vậy, tuy lại tuân phục nhưng cũng khó thân cận. Bốn con rắn độc này nếu khi hại người mà hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng chú hay thuốc thì có thể trị liệu được. Bốn đại giết hại người, tuy có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng thần chú, thuốc hay đều chẳng thể trị liệu. Như người đang vui vẻ nghe hơi thối của bốn con rắn độc thì liền xa lìa. Các Đức Phật, Bồ-tát cũng như vậy, nghe mùi của bốn đại thì liền lìa xa. Bấy giờ, Bồ-tát lại suy nghĩ về rắn độc bốn đại rồi sinh ra kinh sợ, quay lưng chạy nhanh, lo tu tám Thánh đạo.

Chiên-đà-la tức là năm ấm. Thế nào là Bồ-tát quán năm ấm như Chiên-đà-la? Người Chiên-đà-la thường có thể khiến cho con người ân ái biệt ly, oán ghét gặp gỡ. Năm ấm cũng vậy, khiến cho con người tham lam, thân cận với pháp bất thiện, xa lìa tất cả pháp thiện. Lại nữa, này thiện nam! Như Chiên-đà-la tự trang nghiêm đủ thứ binh khí như dao, hoặc thuẫn, cung, hoặc tên, hoặc áo giáp đồng, hoặc giáo dài v.v... để có thể hại người. Năm ấm cũng vậy, dùng các phiền não tự trang nghiêm chắc chắn, hại những người si dại, khiến cho họ rơi vào các cõi hữu. Này thiện nam! Như Chiên-đà-la đối với người có tội lỗi thì được giết hại. Năm ấm cũng vậy, có những lỗi kiết sử thường có thể hại người. Vậy Bồ-tát nên quán sâu năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, Bồ-tát quan sát năm ấm như Chiên-đà-la là vì người Chiên-đà-la không có lòng từ bi, kẻ oán người thân đều hại. Năm ấm cũng vậy, không có lòng từ bi thiện ác đều hại. Như Chiên-đà-la làm não hại tất cả mọi người. Năm ấm cũng vậy, do những phiền não thường làm não hại tất cả chúng sinh sinh tử. Vậy Bồ-tát nên quán năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, Bồ-tát quan sát năm ấm như Chiên-đà-la là vì người Chiên-đà-la thường ô nhiễm lòng hại. Năm ấm cũng vậy, thường mang các kết sử não hại tâm. Như người mà không có chân, dao, gậy, thị tòng thì phải biết, nhất định bị người Chiên-đà-la giết hại. Chúng sinh cũng vậy, không có chân,

dao, không có thị tùng thì bị giặc năm ấm giết hại. Chân là giới, dao là tuệ, thị tùng là thiện tri thức. Không có ba việc này nên bị giặc năm ấm giết hại. Vậy Bồ-tát nên quán năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la. Vì sao? Vì nếu chúng sinh bị Chiên-đà-la giết hại thì chẳng rơi vào địa ngục, còn người bị năm ấm giết thì rơi vào địa ngục. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán năm ấm hơn Chiên-đà-la. Bồ-tát phát khởi sự quán sát này rồi, phát thệ nguyện: “Ta thà trọn đời gần Chiên-đà-la, chẳng thể gần gũi năm ấm trong giây lát”. Người Chiên-đà-la chỉ có thể hại người ngu si của cõi Dục, còn giặc năm ấm này hại khắp chúng sinh phàm phu của ba cõi. Người Chiên-đà-la chỉ có thể giết chết người có tội, còn giặc năm ấm chẳng hỏi chúng sinh có tội hay không có tội, đều có thể hại hết. Người Chiên-đà-la chẳng hại người già yếu, phụ nữ, trẻ con, còn giặc năm ấm này chẳng cần hỏi chúng sinh ai già cả, phụ nữ, trẻ con yếu đuối, tất cả đều hại hết. Vậy Bồ-tát nên quán sát sâu năm ấm này còn hơn Chiên-đà-la, nên Bồ-tát phát nguyện rằng, thà trọn đời gần Chiên-đà-la, chẳng thể gần gũi năm ấm trong giây lát. Lại nữa, này thiện nam! Người Chiên-đà-la chỉ hại người khác, nhất định chẳng hại mình. Giặc năm ấm thì hại mình và hại cả người khác. Người Chiên-đà-la có thể dùng lời nói khéo, tiền tài, của báu để cầu xin thì được thoát. Năm ấm chẳng vậy, chẳng thể miễn cưỡng dùng lời nói khéo dụ dỗ, tiền tài, của báu để cầu xin mà được thoát. Người Chiên-đà-la ở trong bốn mùa, chẳng nhất định phải thường giết hại. Năm ấm chẳng vậy, luôn ở trong từng niệm, từng niệm hại chúng sinh. Người Chiên-đà-la chỉ ở tại một chỗ nên có thể chạy trốn. Năm ấm chẳng vậy, ở khắp mọi chỗ nên không thể chạy trốn. Người Chiên-đà-la tuy hại người, hại mình rồi nhưng chẳng theo đuổi. Năm ấm chẳng vậy, giết hại chúng sinh rồi còn theo đuổi chẳng rời. Vậy Bồ-tát thà trọn đời gần Chiên-đà-la, chẳng thể trong giây lát gần gũi năm ấm. Người có trí dùng phương tiện khéo léo được thoát khỏi năm ấm, phương tiện khéo léo tức là tám Thánh đạo, sáu Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng. Nhờ phương tiện này mà kẻ trí được giải thoát, thân tâm chẳng bị năm ấm giết hại. Vì sao? Vì thân như kim cương, tâm như hư không. Nên thân tâm

khó có thể ngăn trở, hủy hoại. Do nghĩa này, Bồ-tát quan sát thấy ấm thành tựu đủ các thứ pháp bất thiện nên sinh ra kinh sợ mà tu tám Thánh đạo, cũng như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên-đà-la mà lặn lội trên đường đi không quay nhìn lại.

Người trá thân thiện là tham ái. Đại Bồ-tát quán sâu ái kết như kẻ oán trá hiện người thân. Nếu biết sự thật thì nó không thể làm gì, nếu chẳng biết thì nhất định bị hại. Tham ái cũng vậy, nếu biết tánh của chúng thì chẳng thể khiến cho chúng sinh luân chuyển trong khổ sinh tử, như chẳng biết tánh ấy thì luân chuyển sáu đường, chịu đủ mọi khổ. Vì sao? Vì ái là bệnh khó lìa bỏ như kẻ oán trá hiện người thân khó có thể xa lìa. Kẻ oán trá hiện thân thiện thường rình rập chỗ sơ hở của người, khiến cho họ xa lìa người thương yêu, gặp gỡ kẻ oán ghét. Ái cũng như vậy, khiến cho con người xa lìa tất cả pháp thiện, gần gũi với tất cả pháp bất thiện. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát quán sâu tham ái như oán trá hiện thân thiện. Vì thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, nên như người phạm phu thấy lỗi sinh tử, tuy có trí tuệ nhưng vì ngu si che phủ nên về sau trở lại chẳng thấy. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, tuy thấy nhưng chẳng thấy, tuy nghe nhưng chẳng nghe. Vì sao? Vì do tâm ái vậy. Vì sao? Vì thấy lỗi sinh tử nhưng chẳng thể mau chóng đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát quán ái kết này như oán trá hiện thân thiện. Sao gọi là tướng oán trá hiện thân thiện? Như oán, chẳng thật mà trá hiện tướng thật, chẳng thể thân cận mà trá hiện tướng thân cận, thật là chẳng thiện mà trá hiện tướng thiện, thật là chẳng ái mà trá hiện tướng ái. Vì sao? Vì luôn rình rập chỗ sơ hở của người muốn làm hại họ. Ái cũng như vậy, thường vì chúng sinh, chẳng phải thật mà trá hiện thật, chẳng phải thân cận mà trá hiện thân cận, chẳng phải thiện mà trá hiện thiện, chẳng phải ái mà trá hiện ái, luôn lừa dối tất cả sinh tử luân hồi. Do nghĩa này nên Bồ-tát quan sát ái như oán trá hiện thân thiện. Kẻ oán trá hiện thân thiện thì chỉ thấy thân miệng, chẳng nhìn thấy lòng họ. Vậy nên họ có thể lừa dối. Ái cũng như vậy, chỉ là hư dối, thật chẳng thể nắm bắt. Vậy nên có thể mê hoặc tất cả chúng sinh. Kẻ oán trá hiện thân thiện thì có thì có chung, dễ có thể xa lìa. Ái chẳng như

vậy, không thì không chung, khó có thể lìa xa. Kẻ oán trá hiện thân thiện ở xa thì khó biết, đến gần thì dễ biết. Ái chẳng như vậy, gần còn khó biết, huống chi là xa. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán ái hơn oán trá hiện thân thiện. Tất cả chúng sinh do ái kết nên xa Đại Niết-bàn, gần với sinh tử, xa thường, lạc, ngã, tịnh, gần vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vậy nên ở mọi chỗ trong kinh, Ta nói là ba cấu uế đối với việc hiện tại do vô minh, nên chẳng thấy tội lỗi, chẳng thể lìa bỏ. Oán ái mà trá hiện thân thiện nhất định chẳng thể hại người có trí. Vậy nên Bồ-tát quán sâu ái này vô cùng kinh sợ nên tu tám Thánh đạo giống như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên-đà-la và một người trá hiện thân thiện mà chạy thẳng chẳng quay lại.

Xóm làng trống không tức là sáu nhập bên trong. Đại Bồ-tát quán sáu nhập này rỗng không, không sở hữu, giống như xóm làng trống rỗng, như người sợ kia đã vào xóm làng rồi thậm chí chẳng thấy có một người ở, tìm hết trong các đồ đựng chẳng được một vật gì. Bồ-tát cũng vậy, quan sát kỹ sáu nhập trống rỗng, không có gì, chẳng thấy một vật thật nào là chúng sinh. Vậy nên Bồ-tát quan sát sáu nhập bên trong rỗng không, không có ginhư xóm làng trống rỗng kia. Đây thiện nam! Xóm làng trống rỗng kia, bọn giặc nhìn từ xa nhất định chẳng tưởng là rỗng không. Người phàm phu cũng như vậy, đối với xóm làng sáu nhập chẳng sinh tưởng về không. Do họ chẳng thể sinh tưởng về không nên sinh tử luân hồi, chịu khổ không lường. Đây thiện nam! Bọn giặc đã đến nơi mới sinh ra tưởng về không, sinh ra tưởng về không thì chẳng sinh tử luân hồi, chịu khổ. Đại Bồ-tát đối với sáu nhập này thường không điên đảo. Không điên đảo nên chẳng sinh tử luân hồi. Lại nữa, đây thiện nam! Như có bọn giặc vào xóm làng trống rỗng này thì được an vui. Các giặc phiền não cũng như vậy, vào sáu nhập này thì được an vui. Như giặc trụ ở xóm làng rỗng không, lòng không sợ hãi. Bọn giặc phiền não cũng như vậy, trụ ở sáu nhập này cũng không sợ gì. Như xóm làng trống rỗng kia chính là chỗ ở của sư tử, cọp, sói v.v... đủ thứ ác thú, sáu nhập bên trong này cũng như vậy, là chỗ trụ của tất cả loài ác thú phiền não. Vậy nên Bồ-tát quán sâu sáu nhập rỗng không, không có gì, thuần là chỗ trú của tất cả điều bất thiện. Lại nữa, đây thiện nam!

Đại Bồ-tát quan sát sáu nhập bên trong rỗng không, không có gì như xóm làng trống rỗng kia. Vì sao? Vì nó hư dối chẳng thật, rỗng không không có gì mà tưởng là có, thật không có vui mà tưởng là vui, thật không có người mà tưởng là có. Sáu nhập bên trong cũng như vậy, rỗng không không có gì mà tưởng là có, thật không có vui mà tưởng là vui, thật không có người mà tưởng là có. Chỉ có người trí mới có thể biết được sự thật ấy. Lại nữa, này thiện nam! Như xóm làng trống rỗng, hoặc khi có người, hoặc khi không có người. Sáu nhập chẳng vậy, chỉ một hướng là không người. Vì sao? Vì tánh luôn rỗng không. Sự nhận biết của người trí chẳng phải là mắt thấy. Vậy nên Bồ-tát quan sát sáu nhập bên trong có nhiều oán hại nên tu tám Thánh đạo chẳng ngưng nghỉ, giống như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên-đà-la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc khủng bố mà chạy thẳng.

Sáu đại tặc tức là sáu trần bên ngoài. Đại Bồ-tát quan sát sáu trần này như sáu tên giặc. Vì sao? Vì có thể cướp tất cả pháp thiện. Như sáu tên đại tặc có thể cướp tất cả của báu của dân chúng. Giặc sáu trần này cũng như vậy, có thể cướp tất cả của cải thiện của chúng sinh. Như sáu tên đại tặc, nếu vào nhà người thì có thể cướp đoạt vật hiện có trong nhà, chẳng phân biệt tốt xấu, khiến cho người cự phú bỗng nhiên thành bần cùng. Giặc sáu trần này cũng như vậy, nếu vào căn cửa người thì cũng có thể cướp đoạt tất cả pháp thiện. Pháp thiện đã hết thì trở nên bần cùng cô lộ, thành Nhất-xiển-đề. Vậy nên Bồ-tát quan sát kỹ sáu trần như sáu tên đại tặc. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên đại tặc khi muốn cướp đoạt của người thì cốt yếu nhờ người ở bên trong. Nếu không có người bên trong thì liền trở về không. Giặc sáu trần này cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện cốt yếu nhờ bên trong có chúng sinh thấy biết tướng thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rỗng không v.v... Nếu bên trong không có những tướng như vậy thì giặc ác sáu trần chẳng thể cướp được tất cả pháp thiện. Người có trí bên trong không có tướng này mà kẻ phàm phu thì có. Vậy nên sáu trần thường đến chiếm đoạt của cải pháp thiện. Vì chẳng khéo hộ trì nên kẻ phàm phu bị sự cướp đoạt ấy. Người hộ trì gọi là có trí tuệ. Người có trí tuệ có thể khéo phòng hộ nên chẳng

bị cướp. Vậy nên Bồ-tát quán sáu trần này như sáu tên đại tặc ngang bằng không sai khác. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên đại tặc có thể làm cho thân tâm muôn dân khổ não. Giặc sáu trần này cũng như vậy, thường làm cho thân tâm chúng sinh khổ não. Sáu tên đại tặc thì chỉ có thể cướp tài vật hiện tại của con người, còn giặc sáu trần này thường cướp tài sản thiện của chúng sinh ba đời. Sáu tên đại tặc ban đêm thì vui sướng. Giặc ác sáu trần này cũng như vậy, ở chỗ vô minh tối tăm thì được hoan lạc. Sáu tên đại tặc này chỉ có các vị vua mới có thể ngăn chặn. Giặc ác sáu trần này cũng như vậy, chỉ có Phật, Bồ-tát mới có thể ngăn chặn. Sáu tên đại tặc này phàm muốn cướp đoạt thì chẳng lựa chọn dòng họ, đoan chánh, thông triết, đa văn, bác học, giàu sang, nghèo hèn v.v... Giặc ác sáu trần cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện cũng chẳng chọn đoan chánh cho đến nghèo hèn. Sáu tên đại tặc này tuy bị nhà vua chặt tay chân chúng nhưng còn chẳng thể khiến cho lòng chúng dứt hết tâm ác. Giặc ác sáu trần cũng như vậy, tuy Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm chặt tay chân chúng cũng chẳng thể khiến cho chúng chẳng cướp pháp thiện. Như người mạnh mẽ mới có thể tiêu diệt hàng phục sáu tên đại tặc này. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, mới có thể tiêu diệt hàng phục giặc ác sáu trần. Ví như có người có nhiều họ hàng, bè bạn đông đúc thì chẳng thể bị sự cướp đoạt của sáu tên giặc. Chúng sinh cũng vậy, có thiện tri thức thì chẳng bị giặc ác sáu trần cướp đoạt. Sáu tên giặc lớn này nếu thấy vật của người thì có thể trộm cướp. Giặc ác sáu trần chẳng vậy, hoặc thấy, hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc xúc chạm, hoặc hay biết chúng đều có thể cướp. Sáu tên đại tặc thì chỉ có thể cướp đoạt của cải người Dục giới, chẳng thể cướp đoạt ở Sắc giới và Vô sắc giới. Giặc ác sáu trần thì chẳng như vậy, chúng có thể cướp đoạt tất cả của báu thiện trong ba cõi. Vậy nên Bồ-tát quan sát chắc chắn sáu trần hơn cả sáu tên đại tặc kia. Quán tưởng như vậy rồi, Bồ-tát tu tám Thánh đạo, đi thẳng chẳng trở lại. Như người kia sợ bốn con rắn độc, năm tên Chiên-đà-la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc, bỏ xóm làng trống không, thẳng đường mà đi.

Trên đường gặp một dòng sông tức là phiền não. Sao gọi là

Bồ-tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn? Như dòng sông chảy xiết đó có thể cuốn trôi con hương tượng. Dòng sông phiền não chảy xiết cũng như vậy, có thể cuốn trôi Duyên giác. Vậy nên Bồ-tát quán sâu phiền não giống như dòng sông chảy xiết. Sâu khó đến được đáy nên gọi là sông. Bờ chẳng thể đến được nên gọi là lớn. Trong sông lớn ấy có nhiều loài cá dữ. Dòng sông lớn phiền não cũng như vậy, chỉ Phật, Bồ-tát mới có thể đến được đáy nên gọi rất sâu; chỉ Phật, Bồ-tát mới đến được bờ kia nên gọi là rộng lớn, thường hại tất cả chúng sinh ngu si nên gọi là cá dữ. Vậy nên Bồ-tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn. Như nước dòng sông lớn có thể nuôi lớn tất cả cỏ cây, rừng rậm. Dòng sông lớn phiền não cũng như vậy, có thể làm lớn hai mươi lăm cõi của chúng sinh. Vậy nên Bồ-tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn. Ví như có người rơi xuống dòng sông lớn mà không xấu hổ. Chúng sinh cũng vậy, rơi vào dòng sông phiền não mà không có hổ thẹn. Như người rơi vào dòng sông chưa đến được đáy sông liền mạng chung. Rơi vào dòng sông phiền não cũng như vậy, chưa đến tận đáy sông đã quay trở lại luân chuyển hai mươi lăm cõi. Cái gọi là đáy tức là tướng không. Nếu có người chẳng tu tướng không như vậy thì phải biết người này chẳng ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh chẳng thể khéo tu không, vô tướng nên thường bị dòng sông phiền não chảy xiết cuốn trôi. Như dòng sông lớn kia chỉ có thể hoại thân, chẳng thể cuốn trôi mất tất cả pháp thiện. Dòng sông lớn phiền não thì chẳng như vậy, có thể hoại tất cả pháp thiện của thân và tâm. Dòng sông lớn hung dữ chỉ có thể cuốn trôi, nhận chìm con người trong cõi Dục. Dòng sông lớn phiền não mới có thể cuốn trôi, nhận chìm hàng trời, người của ba cõi. Dòng sông lớn thế gian vận động tay chân thì đến bờ kia, còn dòng sông lớn phiền não chỉ có Bồ-tát nhờ vào sáu pháp Ba-la-mật mới có thể qua được. Như dòng sông lớn thì khó có thể qua được, dòng sông lớn phiền não cũng như vậy, khó có thể qua được. Sao gọi là khó có thể qua được? Cho đến chư Đại Bồ-tát hàng Thập Trụ còn chưa có thể qua được rất ráo, chỉ có chư Phật mới qua khỏi rất ráo. Vậy nên gọi là khó có thể qua được. Ví như có người bị dòng sông cuốn trôi chẳng thể tu tập một chút xíu

pháp thiện, chúng sinh cũng vậy, bị dòng sông phiền não cuốn trôi thì cũng chẳng thể tu tập pháp thiện. Như người rơi xuống sông bị nước cuốn trôi, thì người nào có sức có thể cứu vớt được. Người rơi vào dòng sông phiền não làm Nhất-xiển-đề thì Thanh văn, Duyên giác cho đến các Đức Phật cũng chẳng thể cứu vớt được. Những dòng sông lớn thế gian khi kiếp tận, bầy mặt trời cùng chiếu thì có thể khiến cho khô cạn. Dòng sông lớn phiền não thì chẳng như vậy, Thanh văn, Duyên giác tuy tu bảy giác ý nhưng còn chẳng thể làm khô cạn được. Vậy nên Bồ-tát quán tưởng các phiền não giống như dòng sông chảy xiết.

Ví như người kia sợ bốn con rắn độc, năm người Chiên-đà-la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc mà bỏ xóm làng trống không, thẳng đường mà đi, khi đến bên dòng sông, gom cỏ làm bè. Bồ-tát cũng vậy, sợ rắn bốn đại, Chiên-đà-la năm ấm, ái trá hiện thân thiện, xóm làng trống không sáu nhập, giặc ác sáu trần, đi đến dòng sông phiền não, tu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... dùng làm thuyền bè. Rồi Bồ-tát nương theo bè này qua dòng sông phiền não đi đến bờ thường lạc Niết-bàn kia. Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn thì khởi lên suy nghĩ này: “Ta, nếu chẳng thể nhẫn thọ thân khổ, tâm khổ như vậy thì chẳng thể khiến cho tất cả chúng sinh qua khỏi dòng sông phiền não”. Do suy nghĩ này, Bồ-tát tuy có thân tâm khổ não như thế, nhưng mặc nhiên nhẫn thọ. Do nhẫn thọ nên chẳng sinh ra lậu hoặc. Bồ-tát như vậy còn không có các lậu hoặc, huống gì là Phật Như Lai mà phải có lậu hoặc sao? Vậy nên chư Phật chẳng gọi là hữu lậu. Sao gọi là Như Lai chẳng phải vô lậu? Như Lai thường hành trong hữu lậu mà hữu lậu tức là hai mươi lăm cõi. Vậy nên người phàm phu, Thanh văn nói rằng, Phật có lậu hoặc. Nhưng chư Phật Như Lai chân thật vô lậu.

Này thiện nam! Do nhân duyên này, chư Phật Như Lai không có tướng nhất định. Này thiện nam! Vậy nên việc phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng và Nhất-xiển-đề đều bất định.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời dạy của Đức Thánh. Tất cả các pháp đều bất định. Vì bất định nên phải biết, Như Lai cũng chẳng rót ráo vào Niết-bàn. Như trước Đức Phật đã nói, Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, nghe mà chẳng nghe, trong đó có Niết-bàn, có Đại Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn? Sao gọi là Đại Niết-bàn?

Bấy giờ, Đức Phật khen Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát được niệm tụng trì thì mới có thể thừa hỏi được như ông. Đây thiện nam! Như người đời thường nói, có biển thì có biển lớn, có sông thì có sông lớn, có núi thì có núi lớn, có đất thì có đất lớn, có thành thì có thành lớn, có chúng sinh thì có chúng sinh lớn, có vua thì có vua lớn, có người thì có các người lớn, có trời thì có đấng Thiên Trung Thiên, có đạo thì có đạo lớn. Niết-bàn cũng vậy, có Niết-bàn thì có Đại Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn? Đây thiện nam! Như người đói được ít cơm ăn thì gọi là an vui mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người bệnh được khỏi thì gọi là an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người sợ hãi được chỗ nương về thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người nghèo cùng nhặt được vật bầy bấu thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người quan sát xương khô chẳng khởi lên tham dục thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Những Niết-bàn như vậy chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì đói khát, vì bệnh, vì sợ, vì nghèo, vì sinh tham đắm nên đó gọi là Niết-bàn chẳng phải là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Nếu người phạm phu và tất cả Thanh văn hoặc nhân thế tục, hoặc nhân Thánh đạo đoạn được kiết sử cõi Dục thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Họ có thể đoạn những kiết sử từ sơ thiền cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì còn trở lại sinh phiền não, có tập khí. Sao gọi là tập khí phiền não? Thanh văn, Duyên giác có phiền não tập khí như cho là thân ta, áo ta, ta đi, ta lại, ta nói, ta nghe, chư Phật Như Lai vào Niết-bàn, tánh của Niết-bàn là vô ngã, vô lạc, chỉ có thường tịnh. Đó gọi

là tập khí phiền não. Phật, Pháp, Tăng có tướng sai khác, Như Lai rót ráo vào Niết-bàn, Niết-bàn sở đắc của Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai bình đẳng không sai biệt... Do nghĩa này nên sở đắc của hàng Nhị thừa chẳng phải là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì không thường, lạc, ngã, tịnh. Thường, lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như có nơi có thể nhận mọi dòng nước gọi là biển cả. Theo đó, có chỗ chứng nhập của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật Như Lai thì gọi là Đại Niết-bàn. Bốn thiên, ba Tam-muội, tám bối xả, tám thắng xứ, mười Nhất thiết xứ v.v... nơi có thể gồm thâu vô lượng những pháp thiện như vậy thì gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có dòng sông mà con voi lớn đệ nhất chẳng thể lội đến được đáy thì gọi là sông lớn. Thanh văn, Duyên giác đến Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy Phật tánh gọi là Niết-bàn, chẳng phải là Đại Niết-bàn. Nếu có thể thấy rõ Phật tánh thì được gọi là Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn này chỉ đại tượng vương có thể đến tận cùng đáy. Đại tượng vương tức là chư Phật. Này thiện nam! Như các đại Lực sĩ như Ma-ha Na-già và Bát-kiền-đà v.v... trải qua nhiều thời gian mà chẳng thể lên đến đỉnh mới gọi là núi lớn. Cảnh giới mà Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát, đại Lực sĩ Ma-ha Na-già v.v... chẳng thể thấy được thì như vậy mới gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Chỗ ở của Tiểu vương thì gọi là thành nhỏ, chỗ ở của Chuyển luân Thánh vương mới gọi là thành lớn. Cảnh giới của tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, một vạn Thanh văn, Duyên giác gọi là Niết-bàn. Chỗ ở của đấng Pháp chủ Thánh vương vô thượng mới được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do vậy, nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như có người thấy bốn thứ binh chẳng sinh kinh sợ thì phải biết người đó gọi là đại chúng sinh. Nếu có chúng sinh đối với nghiệp ác phiền não của ba đường ác, chẳng sinh ra sợ hãi mà có thể ở trong đó rộng độ chúng sinh thì phải biết người đó được Đại Niết-bàn. Nếu có người có thể cúng dường cha mẹ, cung kính Sa-môn và Bà-la-môn, tu hành pháp thiện, lời nói thành thật không có lừa dối, có thể nhận thức các ác, bố thí người nghèo thiếu thì gọi là đại trượng phu. Bồ-tát cũng vậy, có đại từ bi,

thương xót tất cả, đối với chúng sinh giống như cha mẹ, có thể đưa chúng sinh qua khỏi dòng sông sinh tử, chỉ bày khắp chúng sinh đạo Nhất thật, đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Đại là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng thể nghĩ bàn là điều tất cả chúng sinh chẳng thể tin thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Chỉ là sở kiến của Phật, Bồ-tát nên gọi là Đại Niết-bàn. Do nhân duyên gì lại gọi là đại? Do vô lượng nhân duyên, sau đó mới được gọi là đại. Đây thiện nam! Như người thế gian, điều mà do nhiều nhân duyên mới được thì gọi là đại. Niết-bàn cũng vậy, do nhiều nhân duyên mới đạt được nên gọi là đại. Sao lại gọi là Đại Niết-bàn? Có đại ngã nên gọi là Đại Niết-bàn, có Niết-bàn thì vô ngã. Có đại tự tại nên gọi là đại ngã. Sao gọi là đại tự tại? Có tám tự tại thì gọi là ngã. Những gì là tám? Một là có thể thị hiện một thân làm nhiều thân. Số thân lớn nhỏ giống như vi trần tràn đầy mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai thật chẳng phải vi trần, do tự tại nên hiện thân vi trần. Tự tại như vậy tức là đại ngã. Hai là thị hiện một thân vi trần tràn đầy ở ba ngàn đại thiên thế giới. Thân Như Lai thật chẳng đầy ba ngàn đại thiên thế giới. Vì sao? Vì vô ngại, chỉ do tự tại nên thân đầy ba ngàn đại thiên thế giới. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Ba là có thể dùng thân đầy ba ngàn đại thiên thế giới nhẹ nhàng bay lên hư không, vượt qua số thế giới chư Phật nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng mà không ngăn ngại. Thân Như Lai thật không nặng, nhẹ, do tự tại nên có thể làm nặng, nhẹ. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Bốn là do tự tại nên được tự tại. Sao gọi là tự tại? Như Lai nhất tâm an trụ chẳng động, có thể thị hiện hóa ra vô lượng hình loại đều khiến cho chúng có tâm. Như Lai có khi, hoặc tạo ra một việc mà khiến cho mọi chúng sinh đều thành tựu. Thân Như Lai thường trụ ở một cõi mà khiến cho cõi khác tất cả đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Năm là căn tự tại. Sao gọi là căn tự tại? Một căn của Như Lai cũng có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, phân biệt vị, cảm xúc, biết pháp. Sáu căn của Như Lai cũng chẳng thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, phân biệt vị, cảm xúc, biết pháp. Do tự tại nên khiến cho căn tự tại. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Sáu là do tự tại nên chứng đắc tất cả các pháp. Tâm Như Lai cũng không có tướng chứng đắc. Vì

sao? Vì không sở đắc. Nếu là có thì có thể gọi là chứng đắc, nhưng thật ra không có thì sao gọi là chứng đắc? Nếu Như Lai có tướng chứng đắc tức là chư Phật chẳng đắc Niết-bàn. Do không đắc nên gọi là đắc Niết-bàn. Do tự tại nên chứng đắc tất cả pháp, mà chứng đắc tất cả pháp nên gọi là đại ngã. Bấy là diễn nói tự tại nên Như Lai diễn nói ý nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp mà ý nghĩa cũng chẳng thể hết, đó là hoặc nói về giới, hoặc định, hoặc trí, hoặc tuệ v.v... nhưng Như Lai bấy giờ hoàn toàn chẳng phát ý niệm Ta nói, người kia nghe, cũng lại chẳng sinh ý tưởng về một bài kệ. Theo người thế gian thì bốn câu là một bài kệ, Như Lai theo thế tục nói ra nên gọi là kệ. Tất cả pháp tánh cũng không có điều để nói nhưng do tự tại nên Như Lai diễn nói. Do diễn nói nên gọi là đại ngã. Tánh của Như Lai cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không. Tánh của hư không chẳng thể thấy được. Như Lai cũng vậy, chẳng thể thấy. Do tự tại nên khiến cho tất cả đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Như vậy đại ngã gọi là Đại Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Ví như kho báu với nhiều đồ trân quý kỳ lạ, hàng trăm thứ đầy đủ nên gọi là kho tàng lớn. Kho tàng rất thâm diệu của chư Phật Như Lai cũng như vậy, có nhiều thứ kỳ lạ, đầy đủ không thiếu sót nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Vật vô biên mới gọi là đại. Niết-bàn vô biên, vậy nên gọi là đại. Lại nữa, này thiện nam! Có vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn, còn Niết-bàn thì không vui. Do bốn thứ vui nên gọi là Đại Niết-bàn. Những gì là bốn? Một là đoạn dứt những niềm vui. Chẳng đoạn dứt vui tức là khổ, mà nếu có khổ thì chẳng gọi là vui lớn. Do đoạn dứt vui thì không có khổ, mà không khổ, không vui mới gọi là vui lớn. Tánh của Niết-bàn không khổ, không vui. Vậy nên Niết-bàn gọi là vui lớn. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Vui có hai thứ, một là vui của phàm phu, hai là vui của chư Phật. Vui của phàm phu thì vô thường, bại hoại. Vậy nên không vui. Chư Phật thì thường vui không có biến đổi nên gọi là vui lớn. Lại nữa, này thiện nam! Có ba thứ thọ, một là khổ thọ, hai là lạc thọ, ba là bất khổ bất lạc thọ. Chẳng khổ chẳng vui cũng là khổ. Niết-bàn tuy đồng chẳng khổ, chẳng vui, nhưng gọi là vui lớn. Do vui lớn nên

gọi là Đại Niết-bàn. Hai là đại tịch tĩnh nên gọi là vui lớn. Tánh của Niết-bàn là đại tịch tĩnh. Vì sao? Vì xa lìa tất cả pháp rối loạn, ồn ào. Do đại tịch tĩnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Ba là biết tất cả nên gọi là vui lớn. Chẳng phải biết tất cả thì chẳng gọi là vui lớn. Chư Phật Như Lai biết tất cả nên gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Bốn là thân chẳng hoại nên gọi là vui lớn. Thân nếu có thể hoại thì chẳng gọi là vui. Thân của Như Lai là thân kim cương không hoại, chẳng phải là thân phiến não, là thân vô thường nên gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Tên của thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không nhân duyên. Có nhân duyên là như Tôn giả Xá-lợi-phất có mẹ tên là Xá-lợi rồi nhân tên mẹ đặt tên con nên gọi là Xá-lợi-phất. Như đạo nhân Ma-du-la sinh ra ở nước Ma-du-la, rồi nhân nước mà đặt tên nên gọi là đạo nhân Ma-du-la. Như Tôn giả Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên tức là họ, rồi nhân họ đặt tên nên gọi là Mục-kiền-liên. Như Ta sinh ra ở dòng họ Cù-đàm, rồi nhân họ đặt tên, xưng là Cù-đàm. Như đạo nhân Tỳ-xá-khư, Tỳ-xá-khư tức là tên một vì sao. Nhân lấy sao làm tên nên gọi là Tỳ-xá-khư. Như tay có sáu ngón, nhân sáu ngón nên gọi là người sáu ngón. Như kẻ làm tội cho Phật, làm tội cho trời, nhân Phật, nhân trời nên gọi kẻ đó Phật nô, Thiên nô. Nhân ảm thấp sinh ra nên gọi là thấp sinh. Như nhân âm thanh nên tên là Ca-la-la, tên Cứu-cứu-la, Đát-đát-la. Những tên như vậy v.v... gọi là tên nhân duyên. Tên không nhân duyên là như: hoa sen, đất, nước, gió, lửa, hư không. Như Mạn-đà-bà thì một là tên, hai là thật. Một là gọi nhà, hai là gọi nước uống. Nhà chẳng uống nước cũng lại được gọi là Mạn-đà-bà. Như Tát-ba-xa-đa gọi là Xà-cái mà thật chẳng phải là Xà-cái. Đó gọi là tên không nhân duyên mà chỉ miễn cưỡng đặt tên gọi. Như Để-la-bà-di gọi là dầu ăn nhưng thật ra chẳng phải dầu ăn, chỉ là khiên cưỡng đặt tên gọi là dầu ăn. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Này thiện nam! Đại Niết-bàn này cũng như vậy, không có nhân duyên mà gượng đặt tên gọi. Này thiện nam! Ví như hư không chẳng nhân cái tiểu không mà gọi là đại không. Niết-bàn cũng thế, chẳng nhân tiểu tướng mà gọi Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có pháp chẳng thể tính kể, chẳng thể nghĩ bàn nên được

gọi là đại. Niết-bàn cũng vậy, chẳng thể tính kể, chẳng thể nghĩ bàn nên được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do thuần tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Sao gọi là thuần tịnh? Tịnh có bốn thứ? Những gì là bốn?

Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh mà có thể vĩnh viễn đoạn tuyệt nên được gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết-bàn, mà Niết-bàn như vậy cũng được gọi là có. Nhưng Niết-bàn này thật chẳng phải là có. Chư Phật Như Lai theo thế tục nên nói Niết-bàn có. Ví như người đời, chẳng phải cha mà nói rằng cha, chẳng phải mẹ mà nói rằng mẹ. Thật chẳng phải là cha mẹ mà nói rằng cha mẹ. Niết-bàn cũng vậy, theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết-bàn.

Hai là nghiệp thanh tịnh. Nghiệp của tất cả phàm phu chẳng thanh tịnh nên không có Niết-bàn. Chư Phật Như Lai thanh tịnh nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Ba là thân thanh tịnh. Thân nếu vô thường thì gọi là bất tịnh. Thân Như Lai thường nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bốn là tâm thanh tịnh. Tâm nếu có lậu hoặc thì gọi là bất tịnh. Tâm Phật vô lậu nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Đó gọi là thiện nam, thiện nữ tu hành Kinh Đại Niết Bàn này thành tựu đầy đủ công đức thứ nhất.

